

Bản án số: 133/2017/DS-PT

Ngày: 17-7-2017

V/v Tranh chấp về tưới nước,
tiêu nước trong canh tác và bồi
thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Võ Văn Nô - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26/6/2017, 10/7/2017 và 17/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2016/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2016 về tranh chấp tưới nước, tiêu nước trong canh tác và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2015/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Phước T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(có mặt)

2.2. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Phước T và bà Hồ Thị L là ông Lê Minh T -Luật sư, Trưởng Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng S-Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(có mặt)

3.3. Anh Mai Thanh P, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(có mặt)

3.4. Anh Mai Quốc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.(có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Mai Văn B và ông Võ Phước T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Mai Văn B trình bày:

Vào năm 2000, ông T bán đất cho ông gồm các thửa sau: thửa 2210, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.416m², thửa 2223 tờ bản đồ số 4, diện tích 3.670m², thửa 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.030m², đất tọa lạc ấp B, xã M, huyện C, Đồng Tháp. Ngoài ra về phần đường nước ông T hứa chừa 2m từ ruộng xuống sông khoảng 200m² (việc thỏa thuận này có được lập thành văn bản cụ thể là tờ bán đất đề ngày 12/7/1999 và tờ mua bán đất đề ngày 20/6/2000). Hiện tại phần đất đường nước do ông T đứng tên, đến năm 2014 ông T gây cản trở canh tác lúa của ông như lúc lúa ông đang trổ ông T khai nước vào ngập hết lúa, đến khi lúa ông chín, ông T khai nước vào làm lúa ông ngã thu hoạch thất thoát khoảng 30%. Vào tháng 01/2015 đến nay ông T cản trở không cho nước ra sông và không cho đặt máy để bơm nước sản

xuất vụ tới gây khó khăn cho việc canh tác nên ông yêu cầu ông T chuyển nhượng diện tích đường nước đó cho ông để ông đặt máy bơm nước nhưng ông T không đồng ý, ông có gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã M, xã có mời lên hòa giải nhưng sau đó, ông T vẫn không đồng ý cho ông đặt máy bơm nước.

Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Phước T cho ông sử dụng đường nước theo đo đạc thực tế có diện tích là 264,6m² thuộc một phần thửa 118, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, ông đồng ý trả giá trị đất theo giá mà Nhà nước quy định để ông thuận lợi trong việc canh tác đất vì ngoài đường nước này ra ông không còn đường nước nào khác để sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng chung đường nước vừa qua, ông T đã nhiều lần cản trở, gây khó khăn cho gia đình ông trong việc canh tác phần đất phía sau, nên nay ông B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T cho ông một lối dẫn nước thích hợp thuận tiện cho việc tưới tiêu có chiều ngang 2m, chạy dài hết đất (vì theo tờ thỏa thuận bán đất trước đây thì ông T có hứa cho sử dụng đường nước ngang 2m). Ông B đồng ý trả giá trị đất cho việc sử dụng phần đất làm lối dẫn nước tưới tiêu của ông T.

Đồng thời, ông B còn yêu cầu ông T, bà L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông do việc cản trở của ông T làm ông không sạ được vụ lúa vào tháng 02/2015 vừa qua đã gây thiệt hại cho ông với số tiền là 27.000.000 đồng/12 công rưỡi (ông đã trừ chi phí cho mùa vụ, chỉ tính tiền lãi mỗi vụ là 2.148.000 đồng/công).

- Bị đơn ông Võ Phước T trình bày:

Nguyên vào năm 2000, ông có chuyển nhượng đất cho ông B. Ông thừa nhận có hứa cho ông B bơm đường nước của ông trên diện tích đất của ông bán cho ông B mà thôi. Đến năm 2001, ông B tự động bơm thêm thửa đất của ông trước cửa miếu Bà là 03 công tầm 3m mà ông B không hỏi ông. Từ năm 2001 đến năm 2014, ông B cũng không nói để thỏa thuận như thế nào hết. Ngoài ra, đường nước nạo vét ông B cũng kêu ông trả tiền phân nữa. Đến năm 2014 ông làm hàng rào giáp với ranh đất của ông B thì ông B đã cất nhà qua ranh đất của ông là 7,5 tấc, nhưng ông vẫn cho ông B ở đến khi nào sửa nhà lại thì trả lại cho ông (ông không có tranh chấp). Đến khi Nhà

nước làm lộ nhựa thì ông có kêu ông B mua bọng đặt để bơm nước, trước khi bơm thì phải cho ông hay hoặc khai nước ra thì cũng phải cho ông hay để ông đập nắp bọng trong vườn ông lại, vậy mà ông B bơm vô hay chắc nước ra đều không cho ông hay.

Đến năm 2014, khi ông bơm nước vào vườn của ông thì nước có rịn qua đất của ông B là chỉ ở dưới đường nước mà thôi. Vậy mà ông B ra báo với Ủy ban nhân dân xã rất nhiều lần, Ủy ban nhân dân xã có thành lập đoàn đến xác minh và lập biên bản là nước không có ngập ruộng của ông B. Như vậy, việc ông B nói ngập lúa và lúa ngã thất thoát 30% là không đúng sự thật.

Ông vẫn cho ông B đặt máy dưới sông bơm nước vào ruộng của ông, trước khi bơm hay khai nước ra thì phải hỏi ông trước hai ngày, còn đất thì ông không bán. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông B.

Còn việc ông B yêu cầu bồi thường thiệt hại vụ lúa vào tháng 02/2015 với số tiền là 27.000.000 đồng; ông không đồng ý, do ông B không chịu đặt máy bơm nước vào ruộng thì thôi chứ ông không có gây thiệt hại gì cho ông B.

Những người liên quan chung hộ với ông B thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông B, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2015/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của hộ ông Mai Văn B về việc yêu cầu ông Võ Phước T cho mở một lối dẫn nước tưới tiêu vào ruộng.

Buộc ông Võ Phước T phải có nghĩa vụ giao cho hộ ông Mai Văn B được sử dụng 01 phần đất có diện tích là 57,3m² tại thửa 118, tờ bản đồ số 6, loại đất lâu năm khác làm lối dẫn nước vào ruộng; lối dẫn nước có vị trí hướng về phía bên ông T có chiều ngang là 2m và chiều dài 28,24m, diện tích 57,3m². Vị trí cụ thể như sau:

+ Từ góc tường hàng rào lưới của ông T, giáp với đất ông B tại mốc 15 (cách mí lộ nhựa 1,5m) đo trở vào phía nhà ông B một đoạn là 13,37m tạo thành mốc 22;

+ Từ mốc 22 kéo ngang qua hướng nhà ông T bề ngang 2m tạo thành mốc 23;

- + Từ mốc 23 kéo thẳng về hướng đất ruộng (song song với tường nhà ông B) một đoạn là 18,20m tạo thành mốc 24;
- + Tiếp tục từ mốc 24 kéo thẳng một đoạn dài 8,04m tạo thành mốc 25;
- + Từ mốc 25 kéo thêm một đoạn là 2m, tạo thành mốc 26;
- + Từ mốc 26 kéo ngang về đất ông B một đoạn là 2m tạo thành mốc 27;

Như vậy, nối các mốc: 22, 23, 24, 25, 26, 27, 22 tạo thành phần đất để sử dụng làm lối dẫn nước tưới tiêu trong phần đất của ông T cho hộ ông B.

Hộ ông B phải có nghĩa vụ trả giá trị đất và trả giá phần tường rào + lưới B40 (02 đoạn, mỗi đoạn 2m²) cho ông T với số tiền tổng cộng là: 7.200.760 đồng (làm tròn số là bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông T phải có nghĩa vụ di dời 02 đoạn tường rào + lưới B40: một đoạn ở vị trí (mốc 22 và mốc 22a- cách mốc 22 một đoạn là 2m về hướng góc nhà trước của hộ ông B); một đoạn ở vị trí (mốc 27 và mốc 27a- cách mốc 27 một đoạn là 2m về hướng góc nhà sau của hộ ông B) và ông T có nghĩa vụ di dời phần cây xoài mới trồng và các vật kiến trúc khác có trên phần đất được giao cho hộ ông B sử dụng làm lối dẫn nước.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi một phần diện tích đất trong thửa 118, tờ bản đồ số 6 có diện tích là 57,3m² đất lâu năm khác do ông T đứng tên để cấp lại cho hộ ông B.

- Không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Mai Văn B về việc yêu cầu ông Võ Phước T và bà Hồ Thị L (vợ ông T) bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 27.000.000 đồng/12 công rưỡi của vụ lúa tháng 02/2015.

- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2015/QĐ-BPKCTT ngày 12/05/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh vẫn được áp dụng để thi hành cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký (điều chỉnh) quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 17/03/2015 và bản đồ trích đo khu đất ngày 17/03/2015)

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Ông B phải nộp số tiền 3.392.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản (số tiền này ông B đã nộp xong).

Về án phí:

Hộ ông B phải nộp 1.509.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 030079 ngày 05/02/2015 và biên lai số 037281 ngày 18/03/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, hộ ông B còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự là 496.000 đồng.

Ông T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2015 ông Mai Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cùng ngày 28/12/2015 ông Võ Phước T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu phúc thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B và tại phiên tòa Phúc thẩm ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo là đồng ý cho hộ ông B sử dụng chung đường mương dẫn nước sẵn có từ trước nay do ông T đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B xác định yêu cầu là buộc ông T chuyển quyền sử dụng đất cho ông mở lối dẫn nước khác, trường hợp sử dụng lại đường nước cũ thì phải chuyển cho ông đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông B tranh chấp với ông T việc sử dụng đường dẫn tưới nước, tiêu nước trong canh tác nông nghiệp, đường dẫn nước được xác định là quyền sử dụng đất thuộc con mương có sẵn, có chiều rộng phía đầu giáp mép chân lộ là 2,12m, chiều rộng phía cuối giáp đất ruộng ông B là 2.71m; chiều dài là 104,32m (không tính đoạn đi ngầm qua dưới mặt lộ đal dài 3,46m), với tổng diện tích là 264,6m², đất đường dẫn nước này thuộc một phần của thửa đất số

118, tờ bản đồ số 6, tại Ấp B, xã M, huyện C, đất của hộ ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/10/2013.

[2] Nguồn gốc đường dẫn nước này là của hộ gia đình ông T tạo lập, sử dụng tưới tiêu cho đất vườn hai bên đường dẫn và đất ruộng lúa phía sau. Năm 1999 hộ ông T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 12.116m² đất ruộng phía sau cho ông B, có lập “Tờ mua bán đất” bằng văn bản viết tay ký kết ngày 17/9/1999, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M cùng ngày, theo văn bản này thì có giao kết “phần đường nước thì Tôi chừa cho anh B là bề ngang hai mét dài xuống mét sông để anh bơm nước và khai ra” đã cho thấy khi giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai bên đã đề cập thỏa thuận đảm bảo cho ông B quyền sử dụng đường dẫn nước này nhằm để tưới nước và tiêu nước canh tác đất của ông B nhận nhượng phía sau, không có nội dung giao ước cho ông B làm chủ hoặc chuyển quyền sử dụng đất đường dẫn nước cho ông B đứng tên. Về nội dung ghi trong giấy “Tờ mua bán đất” ngày 20/6/2000 “về phần đường nước gia đình tôi Võ Phước T cùng các con giao đất ông Mai Văn B được trọn quyền làm chủ vĩnh viễn...”, văn bản này do ông B viết, ông T không thừa nhận chữ ký tên và khẳng định không có văn bản này và văn bản này không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, nên không có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên, không bắt buộc hộ ông T phải thực hiện. Đồng thời, từ sau khi nhận nhượng đất ông B canh tác đất đều được tưới nước, tiêu nước theo đường dẫn nước này, tuy là ông B có khai báo rằng từ vụ lúa 2014-2015 ông T gây cản trở làm ông không bơm, tiêu nước được gây thiệt hại năng suất lúa của ông, nhưng ông B không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặc khác, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án ông B đề cập những tình tiết gây trở ngại cho ông trong việc sử dụng đường dẫn nước như: Ông T làm rào bao quanh đất có mương nước đi qua, ông bị khó khăn khi đi vào dẫn nước, ống bơm ông T đặt ở bệ bơm quá dài gây cản trở cho ông, tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự đã thỏa thuận: Ông T cắt bớt độ dài ống bơm, ông T làm thêm 02 cánh cửa mới của hàng rào trước và sau cho ông B tự quản lý, khóa và mở cửa rào đi vào dẫn nước khi cần. Nội dung thỏa thuận này ông T đã thực hiện đầy đủ và ông B cũng đã sử dụng đường nước cũ theo ban đầu này bơm, tiêu nước canh tác đất của ông bình thường cho đến ngày hôm nay, ông B tiếp tục sử dụng đường dẫn nước này là hoàn toàn đúng với thỏa thuận ban đầu, sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm đất đai phù hợp pháp luật.

Do đó, ông B yêu cầu buộc ông T phải cho ông xác lập và làm chủ quyền sử dụng đất một đường dẫn nước khác, ở vị trí khác trên đất ông T không chấp nhận sử dụng đường dẫn nước cũ chung với ông T là không hợp lý. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông B, cho ông B xác lập đường dẫn nước khác một đoạn trên đất ông T ở vị trí khác, cập theo vách nhà ở của ông B là không phù hợp, gây thiệt hại về quyền tài sản của hộ ông T.

[3] Hộ ông T có sử dụng đất liền kề hai bên bờ đường mương dẫn nước này và cả đất canh tác lúa phía trong nên nhu cầu sử dụng đường mương này để dẫn nước là cần thiết, vậy nên, ông T yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đường mương này để hai hộ cùng sử dụng chung là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật tại Điều 278 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 253 Bộ luật dân sự 2015) về quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác. Ông B yêu cầu chuyển quyền sử dụng đất phần diện tích đất đường mương dẫn nước này cho ông đứng tên làm chủ là không có cơ sở.

[4] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà L cho rằng: Từ khi ông T bán đất cho ông B, ông T đều giữ đúng lời hứa là cho ông B tưới nước, tiêu nước trong canh tác; Đối với tờ mua bán đất ngày 20/6/2000 là do ông B tự lập, không có chứng thực của chính quyền địa phương, ông T và bà L không thừa nhận và cũng không ký tên vào trong tờ mua bán đất này; Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đã đồng ý và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của ông B như mở hàng rào và cắt ống bọng để ông B dễ dàng bơm tưới nước để canh tác lúa, nhưng phía ông B không đồng ý sử dụng chung đường nước mà yêu cầu mở đường nước riêng trên đất của ông T để ông B quản lý và đứng tên sử dụng đất là không hợp lý. Hội đồng xét xử nhận thấy các tình tiết và căn cứ chứng minh của Luật sư đưa ra là phù hợp, được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, chấp nhận kháng cáo của ông T; sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hiện trạng đường mương dẫn nước cho hai hộ ông T và ông B sử dụng chung là có căn cứ.

[5] Vì vậy, xét yêu cầu kháng cáo của ông B là không có căn cứ nên không chấp nhận; yêu cầu kháng cáo của ông T là có căn cứ phù hợp được chấp nhận. Do đó phải sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Cao Lãnh theo hướng nhận định trên.

[6] Về phần ông B yêu cầu hộ ông T bồi thường thiệt hại 27.000.000 đồng do hộ ông T ngăn cản không cho bơm nước xạ lúa, phải bỏ vụ lúa tháng 2/2015. Sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng. Vì ông B không có chứng cứ chứng minh sự thiệt hại này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí cấp sơ thẩm quyết định buộc mỗi bên nộp là đúng pháp luật, phải giữ nguyên.

Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá 3.392.000 đồng sơ thẩm buộc ông B chịu là phù hợp, được giữ nguyên.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166, 170, 171 Luật đất đai; Điều 278, 604 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 253 Bộ luật dân sự 2015) và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn B; chấp nhận kháng cáo của ông Võ Phước T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2015/DS-ST ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

3. Không chấp nhận yêu cầu xác lập đường (lối) dẫn nước mới trên đất hộ ông Võ Phước T của ông Mai Văn B đối với hộ ông Võ Phước T.

4. Giữ nguyên hiện trạng đường mương hiện có theo các mốc số 1, mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 5, mốc 6, mốc 7, mốc 8, mốc 9, mốc 10 trên Bản đồ khu đất tranh chấp của ông Mai Văn B do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C đo vẽ ngày 17/3/2015 (mương dẫn nước cũ của hộ ông T) thuộc một

phần diện tích của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 6 tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, tại vị trí dọc theo chiều dài thửa đất số 118 giáp với chiều dài các thửa đất số 1085 và 119 của hộ ông T, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T đứng tên ngày 07/10/2013 (kể cả cống ngầm thông qua lộ giao thông và bệ đặt máy bơm ở mép sông Rạch Long Ân) cho hộ ông Mai Văn B sử dụng chung với hộ ông Võ Phước T làm lối dẫn tưới nước, tiêu nước trong canh tác. Trong quá trình sử dụng tưới nước, tiêu nước phải bảo đảm an toàn, nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

(Hình thể, kích thước, mốc giới và đặc điểm lối dẫn nước nói trên được căn cứ vào “Bản đồ khu đất tranh chấp của ông Mai Văn B” số 24/BĐTC do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C đo vẽ ngày 17/3/2015 bút lục số 43 trong hồ sơ vụ án, kèm theo Bản án này).

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản (vụ lúa tháng 02/2015) bằng tiền 27.000.000 đồng của ông Mai Văn B đối với ông Võ Phước T và bà Hồ Thị L.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ ông Mai Văn B nộp 1.509.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 338.000 đồng theo biên lai số 030079 ngày 05/02/2015 và 675.000 đồng theo biên lai số 037281 ngày 18/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh . Hộ ông B còn phải nộp thêm số tiền là 496.000 đồng.

Ông Võ Phước T nộp 200.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Mai Văn B chịu 3.392.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá (đã nộp và chi xong).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Văn B không phải nộp, ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 037348 ngày 28/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ông Võ Phước T không phải nộp, ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 037349 ngày 28/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Phòng KTNV và THA;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Văn Phương

